ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1383 /KH-UBND	*Tây Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 35-KH/TU ngày 12/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2026

Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phát phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 30/9/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thông qua Đề án thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2025 - 2030; Kế hoạch số 35-KH/TU ngày 12/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026; Kế hoạch số 1262/KH-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/04/2025 và Kế hoạch số 40-KH/TU ngày 05/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 35-KH/TU ngày 12/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2026 tại Kế hoạch số 1262/KH-UBND ngày 25/3/2026 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/04/2025 và Kế hoạch số 40-KH/TU ngày 05/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế

hoạch số 35-KH/TU ngày 12/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026.

2. Yêu cầu

Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ được giao phát huy vai trò nêu gương, năng động, sáng tạo, quyết liệt trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công; huy động hiệu quả các nguồn lực của hệ thống chính trị, nhà khoa học, tổ chức, người dân, doanh nghiệp để thực hiện. Tăng cường trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Mục tiêu cụ thể: Danh sách các mục tiêu cụ thể tại *Phụ lục I* đính kèm.

2. Nhiệm vụ cụ thể: Danh sách các nhiệm vụ cụ thể tại *Phụ lục II* đính kèm.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện theo Kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 30/9/2025 của HĐND tỉnh trong năm 2026 và Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2026 - 2030.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06

- Trực tiếp lãnh đạo, điều hành Tổ công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này.

- Kịp thời tổng hợp, báo cáo đề xuất tham mưu UBND tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo thực hiện sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình, kết quả triển khai; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh và cơ quan cấp trên khi có yêu cầu.

2. Các Sở, ngành tỉnh; UBND các xã, phường

- Căn cứ các chỉ tiêu cụ thể, nhiệm vụ cụ thể được giao tại *Phụ lục I, Phụ lục II* kèm theo Kế hoạch này, Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường rà soát xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện. **Định kỳ báo cáo hàng tháng (trước ngày 20)** và đột xuất (khi có yêu cầu), báo cáo kết quả về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Các đơn vị chủ động xây dựng dự toán, tổng hợp kinh phí thực hiện vào dự toán của đơn vị mình, làm cơ sở để Sở Tài chính cân đối, tham mưu bố trí trong chi thường xuyên cũng như chi đầu tư phát triển.

3. Sở Tài chính

Theo khả năng cân đối ngân sách, tham mưu UBND tỉnh ưu tiên bố trí kinh phí khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thực hiện Kế hoạch này.

4. Thống kê tỉnh

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở ngành liên quan triển khai giải pháp do lường, đánh giá mức độ tỷ trọng đóng góp *(Quy mô kinh tế số; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế; nguồn lực kinh phí chi cho nghiên cứu, phát triển (R&D))* trong GRDP của tỉnh hàng năm để có giải pháp thúc đẩy.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Phối hợp, hỗ trợ các Sở, ngành, địa phương xây dựng, triển khai cụ thể các đề án, dự án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Định kỳ hoặc đột xuất, báo cáo kết quả triển khai cho UBND tỉnh và cơ quan cấp trên; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết đạt hiệu quả.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và Kế hoạch số 35-KH/TU ngày 12/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2026. Các nội dung về chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao trong năm 2025 và 2026 tại Kế hoạch số 2087/KH-UBND ngày 10/11/2025 được thay thế bởi Kế hoạch này. Yêu cầu các Sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- TT. TU; TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các thành viên BCĐ của UBND tỉnh về phát triển KHCN, ĐMST, CĐS và Đề án 06;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Thuế tỉnh Tây Ninh;
- Thống kê tỉnh Tây Ninh;
- Ngân hàng Nhà nước VN Khu vực 13;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Tây Ninh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP. UBND tỉnh;
- Các Phòng, Ban, Trung tâm thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, th.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Văn Hẳn

Phụ lục I

DANH SÁCH CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số 1383 KH/UBND, ngày 31 /3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	2025 của tỉnh	2026 tại 02-CTr/BCĐTW	2026 của tỉnh	2030 của tỉnh	Kết quả 2025
I	**Mục tiêu đóng góp cho tăng trưởng**							--
1	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	% GRDP	Sở Tài chính	10	14,5	12	30	Quy mô kinh tế số năm 2024 của tỉnh Tây Ninh mới là 6,24% (theo Công văn số 12067/BTC-CTK ngày 7/8/2025 của Bộ Tài chính về việc sử dụng 2 bộ chỉ tiêu thống kê KTXH phục vụ xây dựng Nghị quyết đại hội đảng bộ cấp tỉnh, cấp xã). Năm 2025 chưa công bố. Dự kiến không đạt trong năm 2025
2	Tỷ trọng đóng góp của KHCN, ĐMST, CĐS trong GRDP	% GRDP	Sở Khoa học và Công nghệ	-	17,5	15	-	Chưa đánh giá trong năm 2025
3	Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	Sở Khoa học và Công nghệ	-	50	50	> 55	- UBND tỉnh cho chủ trương tại văn bản số 5360/UBND-VHXH ngày 29/9/2025 về việc xác định chỉ số tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025 và dự báo giai đoạn 2026-2030. - Sở KHCN đã có Công văn số 2550/SKHCN-TDC ngày 14/11/2025 lấy ý kiến xác định chỉ số TFP của tỉnh Tây Ninh. - Kết quả thể hiện 03 báo cáo tại Công

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	2025 của tỉnh	2026 tại 02-CTr/BCĐTW	2026 của tỉnh	2030 của tỉnh	Kết quả 2025
								văn số 565/TKT-TH ngày 04/12/2025 của Thống kê tỉnh Tây Ninh về việc báo cáo xác định năng suất các nhân tố tổng hợp. Giai đoạn 2021-2025 TFP đạt 44.75. - Sở đang tổng hợp báo cáo UBND tỉnh. Đồng thời, Sở đang dự thảo Quyết định UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để nâng cao tỷ phần đóng góp của chỉ số tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP tỉnh Tây Ninh đến năm 2030. Dự kiến trình vào tháng 3/2026.
4	Phấn đấu huy động nguồn lực kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GRDP trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%	% GRDP	Sở Khoa học và Công nghệ	-	-	2	2	Chưa đánh giá trong năm 2025
5	Chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	% Tổng chi NSNN	Sở Tài chính	-	-	3	≥3% và tăng dần theo yêu cầu phát triển	Chưa xác định trong năm 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	2025 của tỉnh	2026 tại 02-CTr/BCĐTW	2026 của tỉnh	2030 của tỉnh	Kết quả 2025
II	**Về hoàn thiện thể chế, chính sách**							
6	Đồng thời, rà soát các văn bản đã ban hành để xác định đầy đủ danh mục và ban hành văn bản hướng dẫn cần xây dựng, ban hành, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi khi tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, cập nhật đầy đủ lên Chuyên trang thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của tỉnh (https://nq57.tayninh.gov.vn/)	Văn bản	Các Sở, ngành	-	Triển khai đầy đủ	Triển khai đầy đủ	-	-
III	**Về chuyển đổi số**							--
7	Xếp hạng đánh giá mức độ Chuyển đổi số tỉnh	Thứ bậc	Sở Khoa học và Công nghệ	≤ 17 các tỉnh, thành trên cả nước	-	≤ 17 các tỉnh, thành trên cả nước	≤ 10 các tỉnh, thành trên cả nước	Năm 2025 công bố DTI năm 2024: - Long An đạt hạng 10/63; Tây Ninh hạng 53/63; - Trung bình hang Tây Ninh mới đạt 21/34 Năm 2026 mới có kết quả xếp hạng của năm 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	2025 của tỉnh	2026 tại 02-CTr/BCĐTW	2026 của tỉnh	2030 của tỉnh	Kết quả 2025
III.1	**Chuyển đổi số trong hệ thống chính trị**							--
a	**Về hạ tầng, nền tảng số và dữ liệu dùng chung**							
8	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	%	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 60	100	100	100	Đạt 95,83% (mạng 5G đã được triển khai tại 92/96 xã, phường trên địa bàn tỉnh - còn 04 xã chưa triển khai 5G: Phước Thạnh, Hoà Hội, Tân Tây, An Lục Long)
9	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên dân số	%	Sở Khoa học và Công nghệ	-	70	70	-	Chưa đánh giá trong năm 2025
10	Bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số ở cấp xã: 100% cán bộ cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử	%	Sở Khoa học và Công nghệ	-	100	100	-	Chưa đánh giá trong năm 2025
11	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh và cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí	%	Văn phòng UBND tỉnh	-	100	100	100	Chưa xác định trong năm 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	2025 của tỉnh	2026 tại 02-CTr/BCĐTW	2026 của tỉnh	2030 của tỉnh	Kết quả 2025
	mật nhà nước thì thúc đẩy việc xử lý trên hệ thống/ mạng phù hợp theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc							
12	Tỷ lệ các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lõi) trong các cơ quan, đơn vị được tái cấu trúc, chuẩn hóa, số hóa và được đưa lên môi trường số	%	Sở Khoa học và Công nghệ	-	100	100	-	Chưa đánh giá trong năm 2025
13	Khai thác thực chất, hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia, sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch,	CSDL	Sở Khoa học và Công nghệ	-	Khai thác thực chất, hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia, sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh	Khai thác thực chất, hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia, sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, các nền tảng số quốc gia, nền	-	Chưa đánh giá trong năm 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	2025 của tỉnh	2026 tại 02-CTr/BCĐTW	2026 của tỉnh	2030 của tỉnh	Kết quả 2025
	sống, thống nhất, dùng chung”				vực, vùng	tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng		
14	Xây dựng tối thiểu 01 khu đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh	Khu đô thị thông minh	Địa phương đủ điều kiện	-	-	1	-	Chưa đánh giá trong năm 2025
15	Thực hiện hoàn thành Dự án "Nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số phục vụ phát triển dữ liệu số của tỉnh; triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số ngành Khoa học và Công nghệ và mở rộng hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh, đưa vào vận hành, khai thác thực chất đáp ứng yêu cầu lưu trữ, tích hợp, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành và cung cấp dịch vụ công"	Dự án	BQLDA Đầu tư xây dựng Long An	-	-	Hoàn thành Dự án Nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số phục vụ phát triển dữ liệu số của tỉnh	-	-
16	Hoàn thành số hoá tài liệu lưu trữ trong	%	Sở Nội vụ	-	Hoàn thành	Hoàn thành	-	Chưa xác định trong năm 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	2025 của tỉnh	2026 tại 02-CTr/BCĐTW	2026 của tỉnh	2030 của tỉnh	Kết quả 2025
	3 năm gần đây							
b	**Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến**							
17	Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC do tỉnh cung cấp (bao gồm các DVC theo mô hình tập trung)	%	Văn phòng UBND tỉnh	-	≥ 80	≥ 80	-	Chưa đánh giá trong năm 2025
18	Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đặc thù do tỉnh cung cấp	%	Văn phòng UBND tỉnh	-	≥ 80	≥ 80	-	Chưa đánh giá trong năm 2025
19	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	%	Văn phòng UBND tỉnh	≥ 70	100	100	100	Tỉnh đã thực hiện được không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với: 2.106 thủ tục (đạt tỷ lệ 100%)
20	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước	%	Văn phòng UBND tỉnh	-	80	80	-	Chưa đánh giá trong năm 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	2025 của tỉnh	2026 tại 02-CTr/BCĐTW	2026 của tỉnh	2030 của tỉnh	Kết quả 2025
21	Chỉ duy trì các TTHC và DVCTT thực sự cần thiết. Không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giải quyết TTHC đã kết nối, khai thác, sử dụng được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, chuyên ngành	TTHC và DVCTT	Văn phòng UBND tỉnh	-	Chỉ duy trì các TTHC và DVCTT thực sự cần thiết. Không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giải quyết TTHC đã kết nối, khai thác sử dụng được DL	Chỉ duy trì các TTHC và DVCTT thực sự cần thiết. Không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giải quyết TTHC đã kết nối, khai thác sử dụng được DL	-	Chưa đánh giá trong năm 2025
22	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu 1 lần	%	Văn phòng UBND tỉnh	≥ 70	80	≥ 90	≥ 85	Theo thống kê của Cổng DVCQG, đến ngày 31/12/2025, tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến: 99,8%; tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến với hồ sơ đang xử lý: 99,6%
c	**Về nhân lực và năng lực thực thi công vụ trên môi trường số**							**--**
23	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức	%	Sở Khoa học và	-	100	100	-	Chưa đánh giá trong năm 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	2025 của tỉnh	2026 tại 02-CTr/BCĐTW	2026 của tỉnh	2030 của tỉnh	Kết quả 2025
	được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản		Công nghệ					
24	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của sở, ngành, địa phương được đào tạo đạt chứng chỉ dự liệu cơ bản	%	Công an tỉnh	-	50	50	-	Chưa đánh giá trong năm 2025
III.2	**Kinh tế số**							
25	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện thông suốt, liền mạch	%	Văn phòng UBND tỉnh	≥ 70	100	100	100	100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp của tỉnh đã được thực hiện trực tuyến
26	Tập trung chỉ đạo chuyển đổi số thực chất đối với các ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh; ưu tiên các chuỗi giá trị có quy mô lớn và khả năng lan tỏa cao như: công nghiệp chế biến, chế tạo;	-	Các Sở, ngành	-	Tập trung chỉ đạo chuyển đổi số thực chất đối với các ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh	Tập trung chỉ đạo chuyển đổi số thực chất đối với các ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh	-	Chưa đánh giá trong năm 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	2025 của tỉnh	2026 tại 02-CTr/BCĐTW	2026 của tỉnh	2030 của tỉnh	Kết quả 2025
	thương mại và phân phối; tài chính, ngân hàng; giao thông vận tải và logistics; nông nghiệp; xây dựng; du lịch							
27	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 30	-	≥ 40	≥ 60	Chưa có hướng dẫn đánh giá tỷ lệ này. Tuy nhiên, doanh nghiệp chuyển đổi số trong công tác tài chính, quản lý, thực hiện nghĩa vụ thuế thông qua các nền tảng số: 100% doanh nghiệp thực hiện hợp đồng điện tử với ngành điện, 95,7% số hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký, cài đặt ứng dụng eTax Mobile,... 77,11% tổ chức, doanh nghiệp được cấp định danh tổ chức.
28	Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt	Lần GRDP	Ngân hàng Nhà nước KV 13	-	15	15	≥ 80	Theo số liệu NHNN Khu vực 13 tổng hợp từ các chi nhánh ngân hàng trên địa bàn, giá trị thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) năm 2024 gấp 7,2 lần GRDP tỉnh, tỷ lệ này của năm 2025 là 12,8 lần (Tổng giá trị TTKDTM trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đạt 4.426.919 tỷ đồng, gấp 12,8 lần GRDP (GRDP đạt 345.000 tỷ đồng).
III.3	**Xã hội số**							

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	2025 của tỉnh	2026 tại 02-CTr/BCĐTW	2026 của tỉnh	2030 của tỉnh	Kết quả 2025
29	Tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	Văn phòng UBND tỉnh	-	95	95	-	Năm 2025, đạt 99%
30	Tập trung chỉ đạo chuyển đổi số thực chất đối với các ngành, lĩnh vực có tác động tới an sinh và phúc lợi của người dân như: y tế, giáo dục, văn hoá, lao động, việc làm, an sinh xã hội, thực phẩm và môi trường	-	Các Sở, ngành	-	Tập trung chỉ đạo chuyển đổi số thực chất đối với các ngành, lĩnh vực có tác động tới an sinh và phúc lợi của người dân	Tập trung chỉ đạo chuyển đổi số thực chất đối với các ngành, lĩnh vực có tác động tới an sinh và phúc lợi của người dân	-	Chưa đánh giá trong năm 2025
31	Nâng cao kỹ năng số và văn hoá đổi mới sáng tạo; lan toả nhận thức về KHCN, ĐMST, CĐS, tạo sự đồng thuận xã hội và chuyển đổi hành vi số của người dân, doanh nghiệp	-	Sở Khoa học và Công nghệ	-	Nâng cao kỹ năng số và văn hoá đổi mới sáng tạo; lan toả nhận thức về KHCN, ĐMST, CĐS, tạo sự đồng thuận xã hội và chuyển đổi hành vi số của người dân, doanh nghiệp	Nâng cao kỹ năng số và văn hoá đổi mới sáng tạo; lan toả nhận thức về KHCN, ĐMST, CĐS, tạo sự đồng thuận xã hội và chuyển đổi hành vi số của người	-	Chưa đánh giá trong năm 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	2025 của tỉnh	2026 tại 02-CTr/BCĐTW	2026 của tỉnh	2030 của tỉnh	Kết quả 2025
						dân, doanh nghiệp		
32	Tỷ lệ dân số trưởng thành có kỹ năng số, tiếp cận dịch vụ số	%	Địa phương	-	-	≥ 70	≥ 70	Chưa đánh giá trong năm 2025
33	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	Ngân hàng Nhà nước KV 13	-	-	≥ 90	≥ 95	+ Năm 2025 của tỉnh: 92%. + Năm 2026 của tỉnh: ≥ 90%. + Năm 2030 của tỉnh: ≥ 95%. + Kết quả năm 2025: ước tính có khoảng 92,0% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.
34	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	Sở Khoa học và Công nghệ	-	-	≥ 20	≥ 70	Chưa đánh giá trong năm 2025
35	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	Sở Y tế	-	-	≥ 80	≥ 95	Chưa đánh giá trong năm 2025
IV	**Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**							
IV.1	**Thúc đẩy thương mại hoá các sản phẩm công nghệ chiến lược**							
36	Phấn đấu triển khai các giải pháp thúc	Sản phẩm	Sở Khoa học và	-	Triển khai thúc đẩy thương mại	Triển khai thúc đẩy	-	Chưa đánh giá trong năm 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	2025 của tỉnh	2026 tại 02-CTr/BCĐTW	2026 của tỉnh	2030 của tỉnh	Kết quả 2025
	đẩy thương mại hoá tối thiểu 05 sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược (Chip bán dẫn, thiết bị mạng 5G, robot công nghiệp, trí tuệ nhân tạo, UAV...)		Công nghệ		hoá tối thiểu 05 sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược	thương mại hoá tối thiểu 05 sản phẩm thuộc Danh mục công nghệ chiến lược		
IV.2	**Phát triển nhân lực tinh hoa và đại học số**							
37	Nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 9,5 người/01 vạn dân	Người	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 7	9,5	9,5	≥ 12	Năm 2025 chỉ đạt 2,12. Dự kiến không đạt trong năm 2025
IV.3	**Số hoá, minh bạch quản trị nhiệm vụ khoa học, công nghệ**							
38	Tỷ lệ nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp tỉnh được quản lý, theo dõi trên Nền tảng số; cập nhật đầy đủ vòng quản lý khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; cập nhật đầy đủ	%	Sở Khoa học và Công nghệ	-	100	100	≥ 25	Chưa đánh giá trong năm 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	2025 của tỉnh	2026 tại 02-CTr/BCĐTW	2026 của tỉnh	2030 của tỉnh	Kết quả 2025
	vòng đời nhiệm vụ (đặt hàng, tuyển chọn/giao trực tiếp, hợp đồng, giải ngân, nghiệm thu, chuyển giao, theo dõi sau nghiệm thu)							
39	Tỷ lệ thông tin kết quả và tài chính của nhiệm vụ (phần được công khai theo quy định) được minh bạch trên nền tảng số; bảo đảm lưu vết, ký số, đối soát tiến độ, giải ngân, sản phẩm	%	Sở Khoa học và Công nghệ	-	100	100	-	Chưa đánh giá trong năm 2025
40	Đảm bảo tỷ lệ 100% nhiệm vụ KHCN, ĐMST thực hiện thời gian phê duyệt nhiệm vụ trung bình khoảng 90 ngày (tính từ ngày chốt nhận hồ sơ theo đợt đến ngày ban hành quyết định phê duyệt)	%	Sở Khoa học và Công nghệ	-	100	100	-	Chưa có trong năm 2025
41	Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ	%	Sở Khoa học và	≥ 40	-	≥ 45	≥ 60	66,67%

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	2025 của tỉnh	2026 tại 02-CTr/BCĐTW	2026 của tỉnh	2030 của tỉnh	Kết quả 2025
	được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu		Công nghệ					
42	Số lượng công trình khoa học và công nghệ được nghiệm thu hàng năm	Công trình KHCN	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 10	-	≥ 14	≥ 40	14
43	Số lượng bài bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI) hàng năm	Bài báo	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 10	-	≥ 15	≥ 50	17 bài đạt chuẩn ISI Trong đó : 16 bài Trường ĐH Tân Tạo; 1 bài Trường ĐH KTCN Long An;
44	Số lượng doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường	Doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 10	-	≥ 15	≥ 25	12 nhiệm vụ
45	Số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích)	Đơn đăng ký	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 10	-	≥ 20	≥ 30	31 đơn sáng chế/GPHI - theo số liệu thống kê của Cục SHTT đăng trên Cổng TTĐT
46	Số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh	Doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 25	-	≥ 30	≥ 40	Lũy kế cả tỉnh sau sáp nhập có 29 doanh nghiệp khoa học và công nghệ (có thêm 02 doanh nghiệp công nghệ cao không thống kê vào chỉ số này)
47	Số lượng tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh	Tổ chức	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 12	-	17	≥ 30	Lũy kế cả tỉnh sau sáp nhập có 16 tổ chức KH&CN (có 1 Tổ chức được cấp giấy chứng nhận ngày 13/10/2025 là Công ty Cổ phần Giáo dục Đào tạo và Tư vấn Kỹ thuật Bách khoa hoạt động

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	2025 của tỉnh	2026 tại 02-CTr/BCĐTW	2026 của tỉnh	2030 của tỉnh	Kết quả 2025
								lĩnh vực dịch vụ khoa học và công nghệ)
48	Số lượng cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh	Cán bộ	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 200	-	≥ 210	≥ 300	220
49	Số lượng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo triển khai hàng năm	Nhiệm vụ KHCN	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 25	-	≥ 28	≥ 50	35
50	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.	%	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 10	-	≥ 12	≥ 25	10
IV.4	**Nâng cao năng lực hạ tầng nghiên cứu - thử nghiệm - sản xuất thử để rút ngắn "từ phòng thí nghiệm ra thị trường"**							
51	Rà soát, nâng cấp và liên thông hạ tầng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu - phát triển, cơ sở kiểm thử/đánh giá/chứng nhận	Hạ tầng nghiên cứu - thử nghiệm - sản xuất thử	Sở Khoa học và Công nghệ	-	Rà soát, nâng cấp và liên thông hạ tầng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu - phát triển, cơ sở kiểm	Rà soát, nâng cấp và liên thông hạ tầng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu - phát triển, cơ	-	Chưa đánh giá trong năm 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	2025 của tỉnh	2026 tại 02-CTr/BCĐTW	2026 của tỉnh	2030 của tỉnh	Kết quả 2025
					thử/đánh giá/chứng nhận	sở kiểm thử/đánh giá/chứng nhận		
52	Thúc đẩy các doanh nghiệp KHCN, ĐMST và CĐS trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định	-	-	-	Thúc đẩy các doanh nghiệp KHCN, ĐMST và CĐS trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Thúc đẩy các doanh nghiệp KHCN, ĐMST và CĐS trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	Chưa đánh giá trong năm 2025
53	Thu hút đầu tư Khu công nghệ cao, công nghệ số tại tỉnh	Khu công nghệ cao, công nghệ số	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	-	-	≥ 01	-	Chưa đánh giá trong năm 2025
IV.5	**Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo**							
54	Tỷ lệ % (tăng) về doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startups) trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số **tăng** so với năm trước	%	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 30	30	30	≥ 150	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startups) trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo năm 2025 là 32 doanh nghiệp.
55	Tỷ lệ doanh nghiệp	%	Sở Khoa	≥ 15	≥ 36	≥ 36	≥ 30	37 doanh nghiệp (32 doanh nghiệp có

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	2025 của tỉnh	2026 tại 02-CTr/BCĐTW	2026 của tỉnh	2030 của tỉnh	Kết quả 2025
	có hoạt động đổi mới sáng tạo		học và Công nghệ					32 dự án tham gia khởi nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh và 5 doanh nghiệp có sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa hàng năm
56	Triển khai bộ chỉ số theo dõi hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gồm chỉ số kết quả và chỉ số điều hành) theo hướng dẫn của Trung ương	Bộ chỉ số	Sở Khoa học và Công nghệ		Được triển khai theo hướng dẫn	Được triển khai theo hướng dẫn	-	
57	Số lượng sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa hàng năm	Sản phẩm	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 5	-	≥ 10	≥20	5 sản phẩm (máy cuốn lục bình; quy trình sản xuất và bánh tráng các loại; quy trình sản xuất và sản phẩm từ chanh; quy trình sản xuất và sản phẩm tinh dầu; quy trình sản xuất và sản phẩm hạt nhựa tái chế)
58	Số lượng dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh hàng năm	Dự án	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 5	-	≥ 10	≥ 20	Đạt 100% (hiện có 17 dự án)
59	Số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh hàng năm	Sáng chế/giải pháp	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 5	-	≥ 7	≥ 20	05 văn bằng sáng chế/GPHI - theo số liệu thống kê của Cục SHTT đăng trên Cổng TTĐT
60	Số lượng bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới	Bài báo	Sở Khoa học và Công nghệ	≥ 100	-	≥ 150	≥ 300	Tổng số 107 bài trong đó: 25 bài sở KHCN đã nghiệm thu; 31 bài của Trường ĐHKTCN Long An; 29 bài

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	2025 của tỉnh	2026 tại 02-CTr/BCĐTW	2026 của tỉnh	2030 của tỉnh	Kết quả 2025
	sáng tạo hàng năm							trường ĐH Tân Tạo; 7 bài Viện nghiên cứu kinh tế giáo dục; 15 bài của trường Chính trị tỉnh.)
61	Duy trì chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Chỉ số	Sở Khoa học và Công nghệ	-	-	≥ 45,71		Chưa đánh giá trong năm 2025
V	**Về theo dõi, giám sát và đánh giá**							
62	Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo trung ương, tỉnh được theo dõi, giám sát, đánh giá trên Hệ thống theo dõi, giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết 57; số liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành được cập nhật kịp thời, khách quan, có đối chiếu, kiểm chứng	%	Các Sở, ngành; Địa phương	-	100	100	-	Chưa đánh giá trong năm 2025

Phụ lục II
DANH SÁCH CÁC NHIỆM VỤ

(Kèm theo Kế hoạch số 1383/KH-UBND ngày 31/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	**Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện**					
1	Tiếp tục phổ biến, quán triệt, nâng cao nhận thức về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết 57-NQ/TW, đặc biệt là Kế hoạch thực hiện năm 2026; tạo sự thống nhất trong nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân	Ban Tuyên giáo và Dân vận	Sở Khoa học và Công nghệ; Báo và phát thanh, truyền hình Tây Ninh; Các Sở, ngành; Địa phương	Văn bản	31/03/2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
2	Từng sở, ngành, địa phương xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW năm 2026 của cơ quan/địa phương mình; rà soát, điều chỉnh Kế hoạch để phù hợp với Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo; bám sát thực tiễn, đảm bảo rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả để tập trung chỉ đạo quyết liệt, ưu tiên bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn lực để hoàn thành các nhiệm vụ trong năm 2026 theo đúng tiến độ	Các Sở, ngành; Địa phương		Kế hoạch	Trong Quý I/2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
3	Xác định các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (KPI) tương ứng với từng nhiệm vụ đề ra, tổng hợp gửi Thường trực Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo để đưa vào theo dõi trên Hệ thống theodoinq.dcs.vn; đôn đốc thường xuyên việc thực hiện. Kết quả thực hiện trên hệ thống là căn cứ quan trọng để xác định mức độ hoàn					Chương trình 02-CTr/BCĐTW

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	thành nhiệm vụ và trách nhiệm của người đứng đầu					
4	Thường xuyên, kịp thời báo cáo kết quả thực hiện trên hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW của Trung ương (tại địa chỉ https://theodoinq.dcs.vn) và hệ thống của tỉnh (tại địa chỉ https://baocaonq57.tayninh.gov.vn/), đồng thời khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành	Các Sở, ngành; Địa phương		Kết quả nhiệm vụ được cập nhật kịp thời	Thường xuyên	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
5	Triển khai vận hành Bộ chỉ số theo dõi, giám sát, đánh giá việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW gắn với cơ chế xếp hạng trên Hệ thống theodoinq.dcs.vn, bảo đảm đo lường được, so sánh được, kiểm chứng được, phục vụ chỉ đạo, điều hành. Bộ chỉ số phân tầng gồm: (1) nhóm chỉ số điều hành theo tháng, quý (thời gian, chi phí, chất lượng xử lý công vụ; mức độ vận hành/phát triển của nền tảng, dịch vụ, dữ liệu, hạ tầng; tiến độ hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm của bộ, ngành, địa phương;...) và (2) nhóm chỉ số kết quả tổng thể để đánh giá xu hướng trung hạn	Văn phòng Tỉnh ủy	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản triển khai	Trong Quý II/2026 (hoặc ngay sau khi Trung ương ban hành)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
6	Phối hợp tổ chức khảo sát thực địa tại một số địa phương (đến cấp xã), sở ngành, các trường, viện, doanh nghiệp, trong đó có mô hình "03 Nhà", để giúp các đơn vị phát hiện khó khăn, vướng mắc, đề xuất biện pháp tháo gỡ và nhân rộng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành; Địa phương	Tổ chức khảo sát khi có yêu cầu triển khai thực hiện	Năm 2026 (theo hướng dẫn của các cơ quan Trung ương)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
7	Thông qua Hệ thống **pakn.nq57.vn** và các kênh có liên quan, theo phạm vi quản lý kịp thời tiếp nhận kịp thời tiếp nhận, phản hồi ý kiến của các tổ chức, cá nhân (người dân,	Văn phòng Tỉnh ủy	Sở Khoa học và Công nghệ	PAKN được kịp thời tiếp nhận, phản hồi	Thường xuyên	Chương trình 02-CTr/BCĐTW

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	doanh nghiệp, viện, trường, nhà khoa học, nhà sáng tạo…)					
8	Rà soát, bố trí nguồn lực tài chính, bảo đảm đường truyền mạng thông suốt đến cấp xã, trang thiết bị đầu cuối, nhân lực phục vụ hoạt động chuyển đổi số tại địa phương	Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Địa phương		Văn bản hướng dẫn, rà soát	Thường xuyên	Kế hoạch 1039/KH-UBND; Chương trình 02-CTr/BCĐTW
9	Tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ cấp xã; ưu tiên phương thức đào tạo thuận tiện, hiệu quả, "mọi nơi, mọi lúc"	Địa phương		Triển khai tổ chức tập huấn	Thường xuyên	Thông báo 17/TB-CQTTBCĐ; Chương trình 02-CTr/BCĐTW
10	Xây dựng chương trình, chuyên mục chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh, Cổng/Trang thông tin điện tử và mạng xã hội (phối hợp với cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh xây dựng danh mục, dự toán thực hiện).	Cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh; Các Sở, ngành; Địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Chương trình/Chuyên mục	Thường xuyên	Kế hoạch 1039/KH-UBND;Nghị quyết 11/NQ-CP
11	Phấn đấu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Sở Nội vụ	Có tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo	Thường xuyên	Kế hoạch 1039/KH-UBND; Nghị quyết 11/NQ-CP
12	Khai thác các nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà do Bộ, ngành Trung ương triển khai về địa phương để cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Các khóa học miễn phí trên Nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà	Thường xuyên	Kế hoạch 1039/KH-UBND
13	Tiếp tục duy trì vận hành, cập nhật đầy đủ nội dung về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số lên Chuyên Trang thông tin điện tử thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của tỉnh (**https://nq57.tayninh.gov.vn/**) nhằm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành; Địa phương	Chuyên Trang thông tin điện tử thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của tỉnh	Thường xuyên	Kế hoạch 1039/KH-UBND

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	kịp thời cung cấp nội dung, tài liệu phục vụ cho công tác tuyên truyền, triển khai			được duy trì vận hành		
14	Đẩy mạnh triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Các Sở, ngành; Địa phương		Báo cáo thực hiện	Thường xuyên	Kế hoạch 1039/KH-UBND
15	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số.	Các Sở, ngành; Địa phương		Kế hoạch/ Văn bản triển khai	Quý I/2026	Kế hoạch 1039/KH-UBND
16	Kế hoạch nâng cao Chỉ số Chuyển đổi số (DTI)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành; địa phương	Kế hoạch	Quý I/2026	
17	Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành Phong trào "học tập số" thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.	Các Sở, ngành; Địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo	Chương trình/ Kế hoạch được ban hành	Thường xuyên	Nghị quyết 11/NQ-CP
18	Triển khai nội dung bộ chỉ số đánh giá tình hình triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW theo Quyết định số 4585/QĐ-BKHCN, ngày 30/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về Ban hành phương án tạm thời chấm điểm hàng tháng các bộ, ngành, địa phương, người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương về thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành; Địa phương	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	
II	**Về hoàn thiện thể chế, chính sách**					
19	Chủ động rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung những cơ chế chính sách chưa được giải quyết ở những văn bản đã ban hành để tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách cho KHCN, ĐMST, CĐS. Trong đó, bảo	Các Sở, ngành; Địa phương		Văn bản của cấp có thẩm quyền	Tháng 6/2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	đảm các quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với nền tảng số, dữ liệu để thống nhất, thông suốt					
20	Nâng cao năng lực triển khai và xây dựng thể chế cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác KHCN, ĐMST, CĐS	Sở Tư pháp	Các Sở, ngành; Địa phương		Năm 2026	Nghị quyết 11/NQ-CP
21	Rà soát, xây dựng hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật cho chuyển đổi số và phát triển KHCN, ĐMST, phục vụ phát triển kinh tế xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ		Văn bản của cấp có thẩm quyền	Tháng 6/2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
22	Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành danh mục dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu mở, làm cơ sở kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu	Các Sở, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Tháng 6/2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
23	Nghiên cứu cơ chế "thử nghiệm có kiểm soát" (sandbox) theo ngành, lĩnh vực nhằm tạo hành lang pháp lý an toàn để thử nghiệm đối với công nghệ, mô hình kinh doanh mới; ưu tiên các lĩnh vực công nghệ chiến lược	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Quý I/2026 (hoặc ngay sau khi Trung ương ban hành)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
24	Xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số giai đoạn 2026-2030, bảo đảm: (1) Có danh mục nhiệm vụ theo các trụ cột/nhóm ngành ưu tiên; (2) Xác định rõ cơ chế huy động nguồn lực công – tư.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Công an tỉnh	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Trong tháng 02/2026 (hoặc ngay sau khi Trung ương ban hành)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
25	Triển khai Nghị quyết về phát triển Công dân số trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo, định hướng của Trung ương	Công an tỉnh	Các sở, ngành; Địa phương	Văn bản triển khai	Trong tháng 02/2026 (hoặc ngay sau khi Trung ương ban hành)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW; Nghị quyết số 11/NQ-CP
26	Triển khai hiệu quả các Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành các chính sách: hỗ trợ hoạt động sở hữu trí tuệ, sáng tạo kỹ thuật, góp phần	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; Địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Trong năm 2026 (hoặc ngay sau khi	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	khuyến khích đổi mới sáng tạo trong cộng đồng; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2025 – 2030; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia, thúc đẩy các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Tây Ninh đến năm 2030; hỗ trợ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2026, … tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh				Trung ương ban hành)	
27	Xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư đối với hoạt động sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số; hỗ trợ, ưu đãi các dự án khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, nhằm thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, phát triển kinh tế số, thu hút nguồn lực đầu tư xã hội, hình thành và mở rộng hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số, qua đó tạo động lực tăng trưởng mới, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, hướng tới phát triển bền vững trong dài hạn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành; địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Trong năm 2026	
28	Ban hành, triển khai Chương trình triển khai Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Các Sở, ngành; Cơ quan liên quan; địa phương	Văn bản	Trong tháng 01/2026 (Ngay sau khi Trung ương ban hành)	Thông báo 712/TB-VPCP
28	Ban hành, triển khai Kế hoạch hoạt động trọng tâm cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành; Cơ quan liên quan; địa phương	Văn bản	Ngay sau khi Trung ương ban hành	Thông báo 712/TB-VPCP
30	Triển khai hướng dẫn lập dự toán chi phí các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số, làm căn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; Địa phương	Văn bản triển khai	Tháng 12/2026	Nghị quyết 11/NQ-CP

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	cứ để các sở, ngành, địa phương xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước					
31	Triển khai hướng dẫn rà soát, điều chỉnh, số hóa quy trình nội bộ; hồ sơ tài liệu; kết quả giải quyết TTHC trong các ngành, lĩnh vực liên quan tới người dân, tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành; Cơ quan liên quan; địa phương	Văn bản	Thường xuyên	
32	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa TTHC, nâng cao chất lượng cung cấp DVCTT, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành; Cơ quan liên quan; Địa phương	Văn bản	Thường xuyên	
III	**Về chuyển đổi số**					
III.1	**Chuyển đổi số trong hệ thống chính trị**					
a	**Hạ tầng số dùng chung**					
33	Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương chỉ đạo các nhà mạng viễn thông tiếp tục đẩy mạnh phát triển hạ tầng, phủ sóng 5G băng thông rộng, bảo đảm hạ tầng số quốc gia thông suốt; phấn đấu tỉ lệ phủ sóng 5G đạt 70% dân số	Sở Khoa học và Công nghệ	Địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Trong năm 2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
34	Nâng cao chất lượng kết nối; ưu tiên nâng cao chất lượng dịch vụ tại khu công nghiệp, cảng biển, cửa khẩu, trung tâm logistics, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, đô thị lớn và vùng khó khăn	Sở Khoa học và Công nghệ	Địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Trong năm 2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
35	Rà soát, phủ sóng các vùng lõm sóng và giám sát chất lượng dịch vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	Địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Trong năm 2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
36	Theo yêu cầu, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Công văn số 19995-CV/VPTW	Sở Khoa học và Công nghệ		Báo cáo kết quả thực hiện	Trong năm 2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	ngày 09/01/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng để tháo gỡ khó khăn thúc đẩy phát triển KHCN, ĐMST, CĐS					
37	Tiếp tục chủ động rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số cấp xã: (1) đường truyền và kết nối mạng ổn định, chữ ký số cá nhân; (2) trang bị máy tính cấu hình tối thiểu và thiết bị làm việc thiết yếu; (3) bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công việc. Đối với địa phương (cấp xã), việc rà soát, nâng cấp bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Mô hình chuyển đổi số cấp xã do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn	Các sở, ngành; Địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả thực hiện	Trong Quý II/2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
38	Triển khai đăng ký sử dụng hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện chuyển dịch hệ thống đúng cam kết, bảo đảm tiến độ và an toàn, an ninh mạng	Sở Khoa học và Công nghệ		Văn bản	Năm 2026	
39	Khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng số dùng chung cấp quốc gia như mạng truyền số liệu chuyên dùng, Trung tâm dữ liệu Quốc gia,…	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành; Địa phương	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
40	Tăng cường việc gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ cấp độ Mật, Tối Mật qua Mạng thông tin diện rộng của cơ quan Đảng với phạm vi mở rộng theo hướng thống nhất, dùng chung cho các cơ quan trong toàn hệ thống chính trị (Mạng mật liên thông các cơ quan trong hệ thống chính trị)	Văn phòng Tỉnh ủy	Văn phòng ĐĐBQH&HĐND tỉnh; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản	Năm 2026	
41	Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương đảm bảo Mạng mật liên thông các cơ quan trong hệ thống chính trị hoạt động thông suốt, ổn định, hiệu quả	Văn phòng Tỉnh ủy	Các Sở, ngành; Địa phương	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
42	Xây dựng tối thiểu 01 khu đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh	Địa phương đủ điều kiện	Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026	KH 2390/KH-UBND; Nghị quyết 11/NQ-CP
43	Rà soát, bổ sung hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã xây dựng, tập trung đưa dữ liệu vào Kho cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục UBND tỉnh công bố để chia sẻ dữ liệu phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội.	Các Sở, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các CSDL dùng chung của các sở, ngành	Tháng 12/2026	Kế hoạch 1039/KH-UBND; Nghị quyết số 11/NQ-CP
44	Hoàn thiện giải pháp kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số.	Các Sở, ngành; địa phương	Công an tỉnh, Các sở, ngành	Hoàn thành kết nối	Tháng 12/2026	Kế hoạch 1039/KH-UBND; Nghị quyết số 11/NQ-CP
45	Phối hợp triển khai thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực theo hướng dẫn của cơ quan trung ương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; Địa phương	Các hệ kinh tế số trong danh mục công bố được triển khai	Thường xuyên	Nghị quyết 11/NQ-CP
46	Hoàn thiện và phát triển Sàn giao dịch KHCN để kết nối cung - cầu công nghệ ở trung ương và địa phương; xây dựng danh mục công nghệ, giải pháp sẵn sàng chuyển giao; công khai nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp theo ngành hàng	Sở Khoa học và Công nghệ		Hoàn thiện và phát triển Sàn giao dịch KHCN để kết nối cung - cầu công nghệ ở trung ương và địa phương	Tháng 6/2026	Nghị quyết 11/NQ-CP
b	**Dữ liệu, nền tảng số**					
47	Triển khai, đưa vào khai thác sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung" theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên	Các Sở, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Đưa vào khai thác sử dụng	Tháng 12/2026 (Theo hướng dẫn của ccơ quan Trung ương)	Kế hoạch 1039/KH-UBND; Chương trình 02-CTr/BCĐTW
48	Thực hiện hoàn thành Dự án Nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số phục vụ phát triển dữ liệu số của tỉnh; triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số ngành Khoa học và Công nghệ và mở rộng hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm Tích	BQLDA Đầu tư xây dựng Long An	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở ngành liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	hợp dữ liệu tỉnh, đưa vào vận hành, khai thác thực chất đáp ứng yêu cầu lưu trữ, tích hợp, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành và cung cấp dịch vụ công					
49	Chỉ đạo việc tạo lập và xử lý hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới thực hiện trên môi trường điện tử; 100% các đơn vị gửi nhận văn bản trên môi trường điện tử có ký số	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành; Địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Năm 2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
50	Hoàn thành số hoá 100% tài liệu lưu trữ trong 3 năm gần đây	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành; Địa phương	Tài liệu lưu trữ trong 3 năm gần đây được số hóa	Năm 2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
51	Số hoá 100% các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lõi) của các cơ quan, đơn vị để đưa lên môi trường số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành; Địa phương	Các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lõi) của các cơ quan, đơn vị để đưa lên môi trường số	Năm 2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
52	Theo lộ trình của Bộ Công an, phối hợp với các cơ quan liên quan vận hành các hệ thống: Cổng Dịch vụ công quốc gia trên hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia; Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính; Ứng dụng VNeID bảo đảm ổn định, đáp ứng yêu cầu truy cập, không để xảy ra tắc nghẽn, ảnh hưởng đến người dùng	Công an tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các nền tảng được vận hành thường xuyên, liên tục theo hướng dẫn của các cơ quan Trung ương	Năm 2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
53	Các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý và hướng dẫn của bộ ngành chủ quản thực hiện triển khai, sử dụng các nền tảng số có khả năng kết nối, liên thông và xác thực danh tính điện tử với VNeID; qua đó tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp sử dụng một tài khoản định danh thống nhất khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến,	Các Sở, ngành		Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	hạn chế việc phải đăng ký và quản lý nhiều tài khoản khác nhau					
54	Triển khai các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số theo hướng dẫn Bộ Khoa học và Công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành; địa phương	Văn bản	Hằng năm	Kế hoạch 1039/KH-UBND; Nghị quyết số 11/NQ-CP
55	Triển khai nền tảng bản sao số trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hệ thống được triển khai	Năm 2026	Kế hoạch 1039/KH-UBND; Nghị quyết số 11/NQ-CP
56	Triển khai CSDL Định danh địa điểm	Công an tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hoàn thành triển khai	Trước 30/6/2026 (hoặc theo lộ trình của Bộ Công an)	Nghị quyết số 11/NQ-CP
57	Xây dựng Khung kiến trúc dữ liệu của tỉnh bám sát Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia tại Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Các Sở, ngành; Địa phương	Khung Kiến trúc dữ liệu của tỉnh được ban hành	Trong Quý I/2026	Thông báo 712/TB-VPCP
58	Rà soát các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng thuộc phạm vi quản lý bảo đảm giải quyết dứt điểm những vấn đề tồn tại, vướng mắc để thông suốt, đáp ứng yêu cầu người dùng	Các Sở, ngành; địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng thuộc phạm vi quản lý được rà soát	Thường xuyên	Thông báo 17/TB-CQTTBCĐ
59	Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch	Tháng 12/2026	nhiệm vụ số 45, Phụ lục II, Nghị quyết số 11/NQ-CP
60	Tiếp tục chỉ đạo việc xây dựng, phát triển và kết nối, chia sẻ, cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan Mặt trận Tổ quốc trên địa bàn tỉnh vào các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, bảo đảm tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số	Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội		Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026	Kế hoạch 01-KH/BCĐ ngày 28/8/2025
c	**Thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến**					

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
61	Rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; ưu tiên cắt giảm nhóm thủ tục hành chính yêu cầu xác nhận hoặc xin xác nhận, nhóm thủ tục yêu cầu thông báo hoặc báo cáo	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành; địa phương	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Thông báo 17/TB-CQTTBCĐ; Chương trình 02-CTr/BCĐTW
62	Số hoá đầy đủ hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu dữ liệu và phục vụ tái sử dụng thông tin	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành; địa phương	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Thông báo 17/TB-CQTTBCĐ; Chương trình 02-CTr/BCĐTW
63	Thực hiện nghiêm nguyên tắc chỉ cung cấp thông tin một lần; tổ chức kiểm tra, giám sát trên môi trường số; kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính đã kết nối, khai thác, sử dụng được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ngành; địa phương	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Thông báo 17/TB-CQTTBCĐ; Chương trình 02-CTr/BCĐTW
64	Các địa phương bố trí trụ sở, trang thiết bị đầu cuối, hạ tầng mạng, phân công lãnh đạo, nhân lực; bố trí đủ nhân sự cho việc giải quyết TTHC ở cấp xã đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc thực tế trên địa bàn	Địa phương	Sở Tài chính; Sở Nội vụ; Sở Khoa học và công nghệ	Báo cáo kết quả thực hiện	Quý I/2026	Thông báo 17/TB-CQTTBCĐ; Chương trình 02-CTr/BCĐTW
65	Tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai	Các Sở, ngành: Sở Tư pháp; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Địa phương	Văn phòng UBND tỉnh	Dữ liệu các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được số hóa	Năm 2026	Kế hoạch 1039/KH-UBND; Nghị quyết số 11/NQ-CP
d	**Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong điều hành và thực thi công vụ**					

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
66	Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh theo hướng dẫn, lộ trình của Bộ, ngành trung ương triển khai Nền tảng Trí tuệ nhân tạo hỗ trợ công vụ, bảo đảm dùng chung, có khả năng mở rộng và tích hợp với các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, xử lý văn bản và điều hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh	Nền tảng Trí tuệ nhân tạo hỗ trợ công vụ được triển khai	Quý II/2026 (hoặc ngay sau khi Trung ương hướng dẫn)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
III.2	**Kinh tế số**					
a	**Phát triển thị trường và hệ sinh thái chuyển đổi số**					
67	Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực 13, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2026-2030, ưu tiên: (1) mở rộng sử dụng hoá đơn điện tử trong giao dịch thương mại điện tử; (2) tăng tỉ lệ thanh toán không dùng tiền mặt; (3) hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia nền tảng thương mại điện tử; (4) theo dõi chỉ số đánh giá kết quả thực hiện theo tháng/quý	Sở Công Thương	Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khu vực 13, Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả thực hiện	Quý I/2026 (hoặc ngay sau khi Trung ương ban hành)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
b	**Nâng cao năng lực doanh nghiệp nhỏ và vừa**					
68	Theo hướng dẫn của Bộ, ngành chủ quản, các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý triển khai hiệu quả các chương trình thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ nhỏ và vừa để tham gia chuỗi cung ứng và mở rộng thị trường	Các sở, ngành		Báo cáo kết quả thực hiện	Quý I/2026 (hoặc ngay sau khi Trung ương ban hành)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
69	Theo hướng dẫn của Bộ Công Thương, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tập trung, bố trí nguồn lực để triển khai hiệu quả Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2035, thúc đẩy các	Sở Công Thương		Báo cáo kết quả thực hiện	Quý I/2026 (hoặc ngay sau khi Trung ương ban hành)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn, doanh nghiệp lớn					
70	Theo yêu cầu, triển khai của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các cơ quan liên quan góp ý hoàn thiện Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, ưu tiên các nhóm: quản trị số, hoá đơn/chứng từ số, thương mại điện tử, an ninh mạng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Văn bản góp ý (nếu có)	Tháng 2/2026 (hoặc theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
c	**Thúc đẩy KHCN, ĐMST, CĐS trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm**					
71	Tập trung chỉ đạo chuyển đổi số thực chất đối với các ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh; ưu tiên các chuỗi giá trị có quy mô lớn và khả năng lan tỏa cao như: công nghiệp chế biến, chế tạo; thương mại và phân phối; tài chính, ngân hàng; giao thông vận tải và logistics; nông nghiệp; xây dựng; du lịch	Các Sở, ngành		Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
72	Các sở, ngành theo chức năng quản lý nhà nước chủ động lựa chọn một số lĩnh vực trọng điểm của ngành mình để tập trung chỉ đạo chuyển đổi số thực chất trong năm 2026, ưu tiên các ngành, lĩnh vực. Nhiệm vụ có quy mô lớn cần có các thành phần chủ yếu sau: (1) Sáng kiến mang tính đột phá; (2) Bài toán trọng điểm, có tầm ảnh hưởng lớn; (3) Cụm hoặc chuỗi nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CĐS; (4) Sản phẩm đầu ra cụ thể; (5) Các chỉ tiêu đo lường; (6) Đơn vị dự kiến tiếp nhận hoặc triển khai ứng dụng; (7) Mốc tiến độ hoàn thành theo từng quý. Ưu tiên các vấn đề lớn phục vụ nâng cao năng suất, chất lượng và có khả năng nhân rộng	Các Sở, ngành		Văn bản chỉ đạo	Hoàn thành lựa chọn, xác định trong quý I/2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
73	Từng sở, ngành xác định, lựa chọn lĩnh vực trọng điểm và công bố các "bài toán chuyển đổi số" trọng tâm, bảo đảm tập trung, khả thi, đo lường được	Các Sở, ngành		Danh mục	Năm 2026	
74	Triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng.	Sở Xây dựng		Báo cáo kết quả thực hiện	Sau khi có hướng dẫn các cơ quan trung ương	Kế hoạch 1039/KH-UBND
75	Triển khai bộ quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Tháng 12/2026 (hoặc sau khi có hướng dẫn của cơ quan cấp trên)	Kế hoạch 1039/KH-UBND
76	Xây dựng, triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án của trung ương về chuyển đổi số trong lĩnh vực Văn hóa trên địa bàn tỉnh.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Địa phương	Kế hoạch/ Văn bản triển khai	Tháng 12/2026 (hoặc sau khi có hướng dẫn của cơ quan cấp trên)	Kế hoạch 1039/KH-UBND
77	Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, địa phương	Các ứng dụng, nền tảng số ứng dụng AI được xây dựng, phổ cập sử dụng	Tháng 06/2026	Kế hoạch 1039/KH-UBND
78	Triển khai các giải pháp để thúc đẩy tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	Ngân hàng Nhà nước CN KV 13		Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026	Kế hoạch 1039/KH-UBND
79	Triển khai Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo	Sở Dân tộc và Tôn giáo		Văn bản	Tháng 12/2026	Nghị quyết số 11/NQ-CP
80	Triển khai các giải pháp để tăng tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	Sở Y tế		Các giải pháp thúc đẩy tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	Năm 2026	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
81	Triển khai các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số, bảo đảm kết nối với Đề án 06	Công an tỉnh	Sở ngành	Hoàn thành triển khai	Theo lộ trình của Bộ Công an	
82	Triển khai 61 tiện ích trên VNeID phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới sáng tạo và phòng chống tội phạm theo hướng dẫn của Bộ Công an	Công an tỉnh	Sở ngành	Hoàn thành triển khai	Theo lộ trình của Bộ Công an	Nghị quyết số 11/NQ-CP
d	**Phát triển kinh tế dữ liệu và cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư**					
83	Phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan tham gia góp ý Khung Kinh tế dữ liệu quốc gia và lộ trình triển khai, trong đó xây dựng cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư và khung pháp lý về định giá, thương mại hoá, khai thác và quản trị dữ liệu	Công an tỉnh	Các Sở, ngành	Văn bản	Quý II/2026 (theo lộ trình của Bộ Công an)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
84	Phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan tham gia góp ý cơ chế hoạt động của Sàn dữ liệu; nghiên cứu các kịch bản và ứng dụng điển hình về khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ phát triển ngành, lĩnh vực bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật	Công an tỉnh	Các Sở, ngành	Văn bản	Quý II/2026 (theo lộ trình của Bộ Công an)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
85	Phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan liên quan tham gia góp ý cơ chế, chính sách phát triển kinh tế dữ liệu	Công an tỉnh	Các Sở, ngành	Văn bản	Quý II/2026 (theo lộ trình của Bộ Công an)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
86	Theo hướng dẫn của Bộ Công Thương, triển khai các chính sách đột phá để thúc đẩy gia tăng tỉ lệ nội địa hoá, tiêu thụ sản phẩm trong nước sản xuất - tự chủ về công nghệ thuộc các lĩnh vực công nghiệp trọng điểm	Sở Công Thương	Các Sở, ngành	Văn bản	Quý I/2026 (theo lộ trình của Bộ Công Thương)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
87	Triển khai kế hoạch triển khai truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thuỷ sản giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành; Địa phương	Văn bản	Quý I/2026 (theo lộ trình của Bộ Nông	Chương trình 02-CTr/BCĐTW

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
					nghiệp và Môi trường)	
88	Nghiên cứu các giải pháp phục vụ đô thị thông minh, quản lý công trình và giám sát chất lượng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng		Báo cáo kết quả thực hiện	Quý I/2026 (theo lộ trình của Bộ Xây dựng)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
III.3	**Xã hội số**					
a	**Về chỉ đạo chuyển đổi số thực chất các ngành, lĩnh vực có tác động tới an sinh và phúc lợi của người dân**					
89	Tập trung chỉ đạo chuyển đổi số thực chất đối với các ngành, lĩnh vực có tác động tới an sinh và phúc lợi của người dân như: y tế, giáo dục, văn hoá, lao động, việc làm, an sinh xã hội, thực phẩm và môi trường	Các Sở, ngành		Báo cáo kết quả thực hiện	Quý I/2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
b	**Phát triển xã hội số, kỹ năng số và văn hoá đổi mới sáng tạo**					
90	Theo hướng dẫn của Bộ Công an, triển khai các quy định hoặc hướng dẫn về giải pháp kỹ thuật liên kết, tích hợp các dịch vụ mạng xã hội với hệ thống VNeID phục vụ định danh, xác thực tài khoản người dùng, bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật, qua đó nâng cao độ tin cậy của tài khoản, phòng ngừa giả mạo danh tính, góp phần bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng	Công an tỉnh		Báo cáo kết quả thực hiện	Quý III/2026 (theo hướng dẫn của Bộ Công an)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
91	Chỉ đạo các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh triển khai các nội dung, giải pháp lan toả nhận thức về KHCN, ĐMST, CĐS, tạo sự đồng thuận xã hội và chuyển đổi hành vi số của người dân, doanh nghiệp. Truyền thông văn hoá đổi mới sáng tạo trong mọi lĩnh vực theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW; giáo	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy		Văn bản	Thường xuyên	Chương trình 02-CTr/BCĐTW

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	dục thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên tinh thần, khát vọng và hoài bão đổi mới sáng tạo					
92	Tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng số, kỹ năng xử lý nghiệp vụ hành chính, tư duy sáng tạo và văn hoá công chức mới cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là tại cấp xã; ưu tiên phương thức đào tạo thuận tiện, hiệu quả, "mọi nơi, mọi lúc", khai thác hiệu quả nền tảng "Bình dân học vụ số"	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở ngành	Tổ chức các lớp tập huấn	Thường xuyên	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
93	Duy trì, phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng, các nhà văn hoá là các điểm tiếp cận số tại địa phương; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ cập kiến thức và nâng cao kỹ năng số cho người dân bằng nhiều hình thức phù hợp, góp phần nâng cao năng lực sử dụng dịch vụ số, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, bền vững	UBND các xã, phường		Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
c	**Xây dựng, thí điểm và nhân rộng Mô hình chuyển đổi số cấp xã**					
94	Theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, nghiên cứu/ triển khai thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh Mô hình chuyển đổi số cấp xã làm cơ sở nền tảng của chính quyền số, bảo đảm thực hiện các mục tiêu liên quan đến chính quyền số cấp xã, hình thành môi trường thúc đẩy kinh tế số và xã hội số ở cộng đồng dân cư (ấp, khu phố, tổ dân phố), góp phần nâng cao năng suất và tăng trưởng. Triển khai theo 03 nhóm địa bàn: đô thị, nông thôn, miền núi/biên giới/hải đảo, bảo đảm một mô hình thống nhất với nhiều mức độ áp dụng phù hợp điều kiện thực tế của các địa phương.	Sở Khoa học và Công nghệ		Báo cáo kết quả thực hiện	Quý I/2026 (theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
IV	**Về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo**					

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
IV.1	**Thúc đẩy thương mại hoá các sản phẩm công nghệ**					
95	Nghiên cứu, triển khai các quy định, hướng dẫn về: (1) Cơ chế và định hướng nội dung đặt hàng theo bài toán, đồng tài trợ và đánh giá theo kết quả đầu ra; (2) Chính sách ưu tiên sử dụng sản phẩm công nghệ chiến lược trong cơ quan nhà nước hoặc các doanh nghiệp nhà nước khi đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng và tính năng sử dụng	Sở Khoa học và Công nghệ		Báo cáo kết quả thực hiện	Quý I/2026 (hoặc sau khi các quy định, hướng dẫn được trung ương ban hành)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
96	Nghiên cứu, triển khai các quy định, tiêu chuẩn để ứng dụng KHCN, ĐMST, CĐS trong các hoạt động kinh tế - xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ		Báo cáo kết quả thực hiện	Quý II/2026 (hoặc sau khi các quy định, hướng dẫn được trung ương ban hành)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
97	Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ, khuyến khích sử dụng sản phẩm công nghệ chiến lược trong mua sắm công nếu đáp ứng các tiêu chí về sở hữu trí tuệ, tỉ lệ nội địa hoá và tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật (ưu tiên tiêu chuẩn/quy chuẩn quốc tế).	Sở Khoa học và Công nghệ		Báo cáo kết quả thực hiện	Có phương án triển khai trong Quý I/2026. Hằng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo kết quả thực hiện	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
98	Làm việc với các doanh nghiệp, trước mắt là các doanh nghiệp đồng hành cùng các cơ quan, sở, ngành, địa phương tại Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ, triển khai việc trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, khuyến khích ở mức tối thiểu 10% thu nhập tính thuế và trong khung pháp luật cho phép	Sở Khoa học và Công nghệ		Báo cáo kết quả thực hiện	Có phương án triển khai trong Quý I/2026. Hằng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo kết quả thực hiện	Chương trình 02-CTr/BCĐTW

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
IV.2	**Thí điểm và mở rộng cơ chế đặt hàng, mua sắm công đối với sản phẩm từ kết quả của hoạt động KHCN, ĐMST**					
99	Nghiên cứu, triển khai các quy định, hướng dẫn về cơ chế tài chính, mua sắm công, thanh quyết toán theo kết quả	Sở Khoa học và Công nghệ		Báo cáo kết quả thực hiện	Quý II/2026 (hoặc theo hướng dẫn của các cơ quan Trung ương)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
100	Nghiên cứu, xây dựng chương trình, kế hoạch mua sắm sản phẩm công nghệ chiến lược do trong nước phát triển, ưu tiên sử dụng trong mua sắm công, tiến tới dần thay thế nhập khẩu, đặc biệt đối với các lĩnh vực đòi hỏi an toàn, bảo mật thông tin (ví dụ: với camera AI trong các dự án công…) bảo đảm minh bạch và phù hợp với các quy định pháp luật	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; Địa phương	Báo cáo kết quả thực hiện	Quý II/2026 (hoặc theo hướng dẫn của các cơ quan Trung ương)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
101	Lựa chọn tối thiểu 03 bài toán lớn gắn với điều kiện thực tiễn, lợi thế và dư địa tăng trưởng của tỉnh (công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao; chế biến - chế tạo; du lịch; logistics; y tế; giáo dục; quản trị đô thị…), tổ chức đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để giải quyết ngay trong năm 2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành liên quan; địa phương	Lựa chọn tối thiểu 03 bài toán lớn	Quý I/2026 (hoặc theo hướng dẫn của các cơ quan Trung ương)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
102	Mỗi sở, ngành, địa phương nghiên cứu, lựa chọn từ 1-2 vấn đề lớn gắn với điều kiện thực tiễn, lợi thế và dư địa tăng trưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương mình (công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao; chế biến - chế tạo; du lịch; logistics; y tế; giáo dục; quản trị đô thị…), tổ chức đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để giải quyết ngay trong năm 2026	Các Sở, ngành; địa phương		Danh mục các bài toán lớn của đơn vị	Quý I/2026 (hoặc theo hướng dẫn của các cơ quan Trung ương)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
103	Bố trí ngân sách địa phương có trọng tâm; ưu tiên nhiệm vụ có đồng tài trợ, có hợp đồng tiêu thụ hoặc chuyển giao; kiên quyết dừng nhiệm vụ kém hiệu quả, kéo dài, không có đầu ra	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ		Báo cáo kết quả thực hiện	Quý I/2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
104	Tổ chức thí điểm tối thiểu 03 gói mua sắm công đối với sản phẩm/giải pháp từ kết quả của hoạt động KHCN, ĐMST được ứng dụng trong khu vực công (quản trị, dịch vụ công, y tế, giáo dục, đô thị thông minh, đường sắt đô thị…)	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ		Báo cáo kết quả thực hiện	Quý III/2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
IV.3	**Phát triển nhân lực tinh hoa và đại học số**					
105	Theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nghiên cứu, triển khai quy định để thúc đẩy việc tham gia hoạt động nghiên cứu KHCN và ĐMST đối với giảng viên các trường đại học, cao đẳng	Sở Giáo dục và Đào tạo		Báo cáo kết quả thực hiện	Quý I/2026 (hoặc theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
106	Triển khai các giải pháp để thúc đẩy, đạt được mục tiêu số người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 9,5 người/1 vạn dân	Sở Khoa học và Công nghệ		Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
IV.4	**Số hoá, quản trị minh bạch nhiệm vụ KHCN**					
107	Triển khai quy định sửa đổi, bổ sung của Bộ Khoa học và Công nghệ về quy trình tổ chức thông báo và tiếp nhận hồ sơ đề xuất/tài trợ/đặt hàng nhiệm vụ KHCN, ĐMST theo cơ chế liên tục bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thường xuyên	Sở Khoa học và Công nghệ		Báo cáo kết quả thực hiện	Quý I/2026 (hoặc theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
108	Triển khai đồng bộ các giải pháp đơn giản hoá biểu mẫu, chuẩn hoá và rút gọn quy trình xét duyệt, số hoá toàn trình trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ		Báo cáo kết quả thực hiện	Quý I/2026 (hoặc theo hướng dẫn của Bộ Khoa	Chương trình 02-CTr/BCĐTW

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	quốc gia, quản lý dựa trên dữ liệu và chỉ tiêu mức dịch vụ, nhằm rút ngắn thời gian phê duyệt nhiệm vụ KHCN, ĐMST còn trung bình khoảng 90 ngày (tính từ ngày chốt nhận hồ sơ theo đợt đến ngày ban hành quyết định phê duyệt)				học và Công nghệ)	
109	Triển khai chuyển đổi số lĩnh vực sở hữu trí tuệ; xây dựng hoặc nâng cấp hệ thống tra cứu công nghệ và sở hữu công nghiệp. Đẩy mạnh bảo hộ, khai thác tài sản trí tuệ từ kết quả nghiên cứu; yêu cầu mỗi nhiệm vụ trọng điểm có kế hoạch quản trị tài sản trí tuệ và phương án khai thác sau nghiệm thu	Sở Khoa học và Công nghệ		Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
110	Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, triển khai cơ chế trao đổi thông tin, hướng dẫn các đơn vị, tổ chức có liên quan (đặc biệt là khối doanh nghiệp) trong việc sử dụng kinh phí hoạt động KHCN, ĐMST, CĐS	Sở Khoa học và Công nghệ		Báo cáo kết quả thực hiện	Quý I/2026 (hoặc theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
IV.5	**Nâng cao năng lực hạ tầng nghiên cứu - thử nghiệm - sản xuất thử**					
111	Rà soát, nâng cấp và liên thông hạ tầng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu - phát triển, cơ sở kiểm thử/đánh giá/chứng nhận	Sở Khoa học và Công nghệ		Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
112	Vận hành hiệu quả Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh giai đoạn 1, đảm bảo các điều kiện cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ, chức năng, triển khai các hoạt động đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh đảm bảo các yêu cầu, quy định của Trung tâm Đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ		Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh vận hành hiệu quả trong giai đoạn 1	Năm 2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
113	Nghiên cứu hoàn chỉnh Đề án Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh, đảm bảo mọi điều kiện để Trung tâm hoạt động đáp ứng quy mô giai đoạn 2	Sở Khoa học và Công nghệ		Đề án Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh giai đoạn 2	Năm 2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
114	Ban hành danh mục nhu cầu công nghệ của địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ		Danh mục	Năm 2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
115	Thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo cấp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành liên quan; địa phương	Quyết định thành lập	Quý I/2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
116	Hình thành tối thiểu 01 mô hình thí điểm có thể nhân rộng (theo chuỗi giá trị hoặc theo ngành chủ lực của địa phương), có bộ chỉ tiêu kết quả và cơ chế duy trì sau thí điểm (đặt hàng dịch vụ, doanh thu, xã hội hóa)	Sở Khoa học và Công nghệ		Mô hình thí điểm	Năm 2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
IV.6	**Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo**					
117	Triển khai Chương trình quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo, bảo đảm thống nhất đầu mối điều phối, huy động nguồn lực xã hội, lấy kết quả và tác động làm thước đo	Sở Khoa học và Công nghệ		Kế hoạch/ Văn bản triển khai	Quý II/2026 (hoặc ngay sau khi cơ quan Trung ương ban hành)	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
118	Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng theo quy định	Ngân hàng Nhà nước CN KV 13		Báo cáo kết quả thực hiện	Định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
119	Triển khai Sàn giao dịch chuyên biệt cho các hoạt động mua bán cổ phần của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo khi Bộ Tài chính đề xuất hình thành, bảo đảm vừa quản trị rủi ro, bảo vệ nhà đầu tư, vừa tăng khả năng huy động vốn trung và dài hạn và hỗ trợ thoái vốn hợp pháp	Sở Tài chính		Báo cáo kết quả thực hiện	Định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
V	**Về nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế về KHCN, ĐMST, CĐS**					
120	Bảo đảm nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo quy định của pháp luật; thực hiện bồi dưỡng, cập nhật kiến thức KHCN, ĐMST, kỹ năng, công nghệ số cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức và người	Sở Nội vụ		Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên. Định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả	Chương trình 02-CTr/BCĐTW

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	lao động gắn với vị trí việc làm và đa ngôn ngữ (dân tộc thiểu số)					
121	Củng cố mô hình vận hành và điều kiện bảo đảm hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và bộ phận một cửa các cấp, đáp ứng yêu cầu phục vụ liên tục, thông suốt, không gián đoạn trong môi trường số	Văn phòng UBND tỉnh		Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên. Định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
122	Tiếp tục triển khai thu hút, trọng dụng nhân tài, nhất là thu hút cán bộ chuyên gia đầu ngành phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia để triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050	Sở, ngành; Địa phương	Sở Nội vụ	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm hoặc theo lộ trình hướng dẫn của cơ quan Trung ương	Kế hoạch 1039/KH-UBND
123	Phối hợp với cơ quan liên quan, đề xuất cử cán bộ tham gia các đoàn công tác của lãnh đạo Đảng, Nhà nước để thúc đẩy nghiên cứu, học tập kinh nghiệm quốc tế về phát triển KHCN, ĐMST, CĐS	Sở Ngoại vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
124	Phối hợp với các cơ quan liên quan, triển khai hiệu quả, thực chất Kế hoạch triển khai công tác ngoại giao khoa học, công nghệ đến năm 2030	Sở Ngoại vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên. Định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
125	Triển khai có hiệu quả các nội dung đã ký kết hợp tác: Ký kết Bản ghi nhớ hợp tác (MoU) 05 bên trong lĩnh vực quản trị thông minh, đổi mới sáng tạo dựa trên trí tuệ nhân tạo và phát triển bền vững giữa UBND tỉnh Tây Ninh với Đại học Inha (Cộng hòa Hàn Quốc); Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh; Viện Nghiên cứu Chính sách & Quản trị Thông minh (SGPRI) (Cộng hòa Hàn Quốc) và Viện Đào	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành; Địa phương	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026	

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	Tạo Quốc tế IEI; và các ký kết hợp tác với các viện, trường; các doanh nghiệp công nghệ số					
126	Tập trung đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các viện, trường, nhà khoa học có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, bán dẫn, năng lượng nguyên tử và các công nghệ chiến lược khác; tiếp nhận và chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành; Địa phương	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026	
127	Tổ chức xúc tiến, thu hút các doanh nghiệp công nghệ lớn đến đầu tư sản xuất, kinh doanh tại Khu Công nghiệp công nghệ cao của tỉnh	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Sở Tài chính	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026	
128	Tổ chức đoàn công tác xúc tiến đầu tư và nghiên cứu mô hình đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước nhằm tăng cường kết nối, xúc tiến đầu tư, thương mại và nghiên cứu mô hình đổi mới sáng tạo	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Ngoại vụ	Các Sở, ngành; địa phương	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026	
129	Thu hút các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ lớn đầu tư vào tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác với các Trung tâm nghiên cứu và doanh nghiệp công nghệ nước ngoài. Khuyến khích hợp tác với các tỉnh, thành phố khác để học hỏi kinh nghiệm trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhằm nâng cao năng lực của tỉnh	Sở Tài chính	Các Sở, ngành; địa phương	Báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2026	
130	Liên kết với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong vùng Đông Nam Bộ để đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành; địa phương	Kế hoạch	Hàng năm	
131	Triển khai quảng bá thương hiệu quốc gia về đổi mới sáng tạo (thương hiệu trên địa bàn tỉnh)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản	Thường xuyên	Nghị quyết số 11/NQ-CP

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
VI	**An ninh, an toàn thông tin và bảo vệ thông tin bí mật nhà nước**					
132	Quán triệt nguyên tắc "An ninh mạng là điều kiện tiên quyết của chuyển đổi số". Chủ động triển khai đầy đủ giải pháp bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ ngay từ khâu thiết kế, đầu tư, vận hành; ưu tiên các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ thủ tục hành chính và hệ thống dữ liệu lõi	Công an tỉnh	Các Sở, ngành; địa phương	Văn bản triển khai	Thường xuyên. Định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
133	Nghiên cứu triển khai các giải pháp ngăn chặn lừa đảo trực tuyến và nhận diện thông tin giả mạo để bảo vệ người dân	Công an tỉnh	Các Sở, ngành; địa phương	Văn bản triển khai	Thường xuyên. Định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
134	Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan thực hiện triển khai các giải pháp bảo mật, xác thực để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước trên hệ thống Mạng mật liên thông các cơ quan trong hệ thống chính trị; đảm bảo 100% hồ sơ công việc trên môi trường điện tử được bảo vệ bởi các tiêu chuẩn mật mã tiên tiến, ngăn chặn nguy cơ rò rỉ, lộ lọt thông tin bí mật nhà nước	Văn phòng Tỉnh ủy		Văn bản triển khai	Thường xuyên. Định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
135	Rà soát, củng cố, hoàn thiện phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP, ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt	Công an tỉnh	Các Sở, ngành; địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên	Kế hoạch số 2891/KH-UBND
136	Triển khai Đề án của Bộ Công an về phát hiện, đấu tranh ngăn chặn hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế	Công an tỉnh	Các Sở, ngành; Địa phương	Văn bản triển khai	Tháng 3/2026	Nghị quyết số 11/NQ-CP

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng.					
VII	**Về tài chính, kinh phí cho KHCN, ĐMST, CĐS**					
137	Bố trí đủ và kịp thời ngân sách nhà nước cho việc thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW. Trong đó, ưu tiên nguồn lực cho các công nghệ chiến lược. Rà soát, tập trung tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản của cơ chế tài chính và hướng dẫn các sở, ngành, địa phương đề xuất nhiệm vụ, kinh phí cho KHCN, ĐMST, CĐS trong năm 2026 và các năm tiếp theo kịp thời, đúng quy định	Sở Tài chính	Các Sở, ngành; địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên	
138	Triển khai, hướng dẫn các sở, ngành, địa phương xác định nhiệm vụ, đăng ký vốn, phân bổ, sử dụng, giải ngân kinh phí, bảo đảm các nhiệm vụ có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả thiết thực, tránh trùng lặp, lãng phí	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành; địa phương	Văn bản	Thường xuyên	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
139	Triển khai việc theo dõi thông tin, số liệu phân bổ, giải ngân, hiệu quả đầu tư cho KHCN, ĐMST, CĐS	Sở Tài chính	Các Sở, ngành; Địa phương	Văn bản của cấp có thẩm quyền	Thường xuyên	
140	Bảo đảm kinh phí phục vụ di chuyển hệ thống công nghệ thông tin từ tỉnh lên Trung tâm dữ liệu quốc gia	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Các sở, ngành	Nguồn kinh phí được bố trí	Theo kế hoạch của Bộ Công an và tỉnh	Nghị quyết số 11/NQ-CP
141	Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương	Nguồn kinh phí được bố trí	Năm 2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW; Nghị quyết số 11/NQ-CP
142	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp thúc đẩy kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Văn bản	Năm 2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	hơn 60% theo mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW					
143	Triển khai các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW trong các chương trình, dự án kinh tế xã hội nêu tại Khoản 2 Mục III Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Văn phòng Tỉnh ủy	Văn bản	Quý I/2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
144	Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, triển khai rà soát, xác định chính xác, thống nhất tên gọi, nội hàm của chỉ tiêu Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP gắn với xác định phương pháp thống kê, tần suất công bố, trách nhiệm của các cơ quan liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong việc thống kê, theo dõi, đánh giá chỉ tiêu này	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản	Quý I/2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
145	Nghiên cứu, triển khai rà soát, cập nhật khung thể chế, chính sách liên quan đến năng suất nhân tố tổng hợp (TFP), trong đó thống nhất và chuẩn hoá phương pháp luận đo lường và tính toán TFP nhằm bảo đảm tính tương thích với các chuẩn mực quốc tế, làm cơ sở để phân bổ và đánh giá chỉ tiêu năng suất cụ thể giữa các khu vực kinh tế và đối với từng bộ, ngành và địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống kê tỉnh	Báo cáo kết quả thực hiện	Quý I/2026	Chương trình 02-CTr/BCĐTW
VIII	**Một số nhiệm vụ khác**					
146	Triển khai Nghị định thay thế Nghị định số 169/2027/NĐ-CP ngày 19/11/2007 về huy động tiềm lực khoa học và Công nghệ phục vụ công tác công an	Công an tỉnh	Các sở, ngành; Địa phương	Văn bản triển khai	Tháng 6/2026 (hoặc sau khi Chính phủ ban hành Nghị định)	Nghị quyết số 11/NQ-CP

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
147	Triển khai Nghị định về cơ chế đột phá cho hoạt động của Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm Dữ liệu quốc gia	Công an tỉnh	Các sở, ngành; Địa phương	Văn bản triển khai	Tháng 3/2026 (hoặc sau khi Chính phủ ban hành Nghị định)	Nghị quyết số 11/NQ-CP
148	Triển khai Quyết định phê duyệt "Chương trình phát triển toàn diện ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035"	Công an tỉnh	Các sở, ngành; Địa phương	Văn bản triển khai	Tháng 1/2026 (hoặc sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định)	Nghị quyết số 11/NQ-CP
149	Phối hợp báo cáo, đánh giá chất lượng CSDL phạm vi toàn tỉnh	Công an tỉnh	Các sở, ngành; Địa phương	Văn bản	Tháng 12/2026 (hoặc theo lộ trình của Bộ Công an)	Nghị quyết số 11/NQ-CP
150	Theo hướng dẫn của Bộ Y tế, phối hợp triển khai Đề án tăng cường, nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain và dữ liệu lớn (Big Data), internet vạn vật (IoT) trong khám, chữa bệnh, phòng, chống dịch bệnh, nghiên cứu khoa học, đào tạo, quản lý y tế; bệnh viện thông minh	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản triển khai	Tháng 12/2026 (hoặc theo lộ trình của Bộ Y tế)	Nghị quyết số 11/NQ-CP